Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Building a better working world

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 54

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch	
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023
Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám Đốc	từ ngày 2 tháng 11 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám Đốc	đến ngày 2 tháng 11 năm 2023

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 35-2401-UQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 1 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 15.1* của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 12925844/67488977

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811602-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1477-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**550.345.281.762**	**291.336.732.031**
110	***I. Tiền và tương đương tiền***	***5***	***6.392.544.437***	***17.365.013.108***
111	1. Tiền		2.192.544.437	17.365.013.108
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000	-
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***	***6***	***230.000.000***	***50.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	50.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***522.012.565.290***	***272.339.132.314***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	112.326.811.147	27.748.139.261
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.549.093.165	156.181.002
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	270.238.767.925	173.136.646.038
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	9	159.015.726.054	91.598.166.013
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(22.117.833.001)	(20.300.000.000)
140	***IV. Hàng tồn kho***		***18.471.428.571***	-
141	1. Hàng tồn kho	11	18.471.428.571	-
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***3.238.743.464***	***1.582.586.609***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.238.743.464	1.582.586.609
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.393.011.400.848**	**1.003.844.072.670**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***227.793.196.854***	***220.139.444.500***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	21.412.263.754	119.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	206.380.933.100	101.139.444.500
220	***II. Tài sản cố định***		***78.555.370.522***	***2.108.361.872***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	181.819.198	293.235.502
222	Nguyên giá		695.101.954	1.833.778.240
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(513.282.756)	(1.540.542.738)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	78.373.551.324	1.815.126.370
228	Nguyên giá		85.512.962.231	2.524.382.154
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.139.410.907)	(709.255.784)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***5.000.000.000***	***5.000.000.000***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	5.000.000.000	5.000.000.000
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***15***	***1.080.639.622.715***	***774.002.931.326***
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.342.337.412.233	1.206.677.412.233
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		231.761.250.000	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.715.625.000	17.715.625.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(511.174.664.518)	(450.390.105.907)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***1.023.210.757***	***2.593.334.972***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.023.210.757	2.593.334.972
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.943.356.682.610**	**1.295.180.804.701**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**259.891.332.597**	**113.841.039.853**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***165.525.413.280***	***113.841.039.853***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	67.795.676.253	1.426.835.606
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	28	24.616.965.143	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.537.872.433	3.441.434.852
314	4. Phải trả người lao động		1.529.147.261	1.525.057.726
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	5.287.267.886	3.414.710.929
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	41.747.660.304	60.822.591.340
320	7. Vay ngắn hạn	20	23.010.824.000	43.210.409.400
330	***II. Nợ dài hạn***		***94.365.919.317***	-
338	1. Vay dài hạn	20	94.365.919.317	-
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.683.465.350.013**	**1.181.339.764.848**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***21***	***1.683.465.350.013***	***1.181.339.764.848***
411	1. Vốn cổ phần		1.313.532.640.000	312.799.680.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.313.532.640.000*	*312.799.680.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		*140.518.254*	550.873.478.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		369.792.191.759	317.666.606.594
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*317.666.606.594*	*308.003.499.267*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*52.125.585.165*	*9.663.107.327*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.943.356.682.610**	**1.295.180.804.701**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 · M.S.D.N: 0304592171 · C.T.C.P · THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lưu Anh Khoa Người lập	Nguyễn Thị Khánh Trang Kế toán trưởng	Chế Đoàn Viên Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**22.1**	**178.347.667.496**	**42.893.398.706**
11	**2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**23**	**(80.307.911.272)**	**(30.332.433.385)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**98.039.756.224**	**12.560.965.321**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**22.2**	**55.256.618.678**	**28.257.430.684**
22	**5. Chi phí tài chính**	**24**	**(78.819.454.500)**	**(7.297.483.988)**
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*18.034.756.396*	*1.569.190.149*
25	**6. Chi phí bán hàng**		**-**	**(52.269.317)**
26	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**25**	**(22.286.813.036)**	**(13.702.766.739)**
30	**8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**52.190.107.366**	**19.765.875.961**
31	**9. Thu nhập khác**		**2.468**	**2.825.258.596**
32	**10. Chi phí khác**		**(64.524.669)**	**(12.928.027.230)**
40	**11. Lỗ khác**		**(64.522.201)**	**(10.102.768.634)**
50	**12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**52.125.585.165**	**9.663.107.327**
51	**13. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**27**	**-**	**-**
52	**14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	**27**	**-**	**-**
60	**15. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**52.125.585.165**	**9.663.107.327**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Lưu Anh Khoa Người lập	Nguyễn Thị Khánh Trang Kế toán trưởng	Chế Đoàn Viên Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**52.125.585.165**	**9.663.107.327**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	12, 13	6.541.571.427	210.726.145
03	Các khoản dự phòng		62.602.391.612	5.928.293.839
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(32.117.354.440)	(30.553.780.048)
06	Chi phí lãi vay	24	18.034.756.396	1.569.190.149
08	**Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**107.186.950.160**	**(13.182.462.588)**
09	Tăng các khoản phải thu		(178.057.556.151)	(49.590.006.110)
10	Tăng hàng tồn kho		(18.471.428.571)	-
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		124.677.206.085	(43.162.851.344)
12	Tăng chi phí trả trước		(86.032.640)	(1.473.765.360)
14	Tiền lãi vay đã trả		(14.328.003.654)	(406.534.355)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(10.423.299)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**20.921.135.229**	**(107.826.043.056)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(82.988.580.077)	(35.909.091)
23	Tiền chi cho vay		(176.817.714.851)	(320.287.581.035)
24	Tiền thu hồi cho vay		177.123.329.210	345.171.745.521
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(523.231.250.000)	(150.964.984.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.983.200.000	189.210.452.833
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức		25.596.077.901	30.834.714.956
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(566.334.937.817)**	**93.928.439.184**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	450.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	20	415.218.725.134	53.189.675.636
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(330.777.391.217)	(22.564.368.119)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**534.441.333.917**	**30.625.307.517**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(10.972.468.671)**	**16.727.703.645**
60	**Tiền đầu năm**		**17.365.013.108**	**637.309.463**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**6.392.544.437**	**17.365.013.108**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 77 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 58 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 15.1*, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng , kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị bản quyền chương trình là chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Phí dịch vụ trả trước khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮt CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 Góp vốn thành lập các công ty con

Vào ngày 15 tháng 2 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp 100% vốn điều lệ để thành lập Công ty TNHH 1Production ("1Pro") với số tiền là 2.000.000.000 VND, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 71/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 2 năm 2023. Theo đó, vào ngày ngày 21 tháng 2 năm 2023, 1Pro đã nhận được GCNĐKDN số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thành lập công ty.

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm vốn điều lệ vào 1PRO với số tiền là 137.000.000.000 VND, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 95/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 28 tháng 2 năm 2023. Theo đó, vào ngày ngày 26 tháng 9 năm 2023, 1Pro đã nhận được GCNĐKDN số 0317690271 điều chỉnh lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của 1Pro từ 2.000.000.000 VND lên 139.000.000.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Công ty đã thành lập Công ty TNHH 1Talent ("1Talent") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 572/2310/NQ/HĐQT cùng ngày và đã nhận được GCNĐKDN số 0318105371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày, phê duyệt việc thành lập 1Talent. Vào ngày 14 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp vốn vào 1Talent với số tiền là 120.000.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Adlink Network ("Adlink") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 572/2310/NQ/HĐQT cùng ngày và đã nhận được GCNĐKDN số0318106103 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 10 năm 2023, phê duyệt việc thành lập Adlink. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp vốn vào Adlink với số tiền là 40.000.000 VND.

4.2 Góp thêm vốn vào Công ty TNHH Yeah1 Up ("Yeah1 Up")

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp bổ sung vốn vào Yeah1 Up với tổng số tiền là 23.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 83/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 18 tháng 10 năm 2023, Yeah1 Up đã nhận được GCNĐKDN số 0317420589 điều chỉnh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 2.000.000.000 VND lên 25.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Yeah1 Up không thay đổi.

4.3 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc mua 100% vốn góp của STVPro từ STV, với giá mua là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 568-2310-NQ-HĐQT-YEG ngày 16 tháng 10 năm 2023 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 570-2310-HĐCN-YEG-STV ngày 17 tháng 10 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, STVPro đã nhận được GCNĐKDN số 0317800358 điều chỉnh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thay đổi chủ sở hữu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro tăng từ 51% lên 100%.

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51%.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51,19% của STV cho đối tác theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và được phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM (tiếp theo)

4.4 Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital")

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 62/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 63/2302/HĐCNCP/YEG-PTMH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thi Minh Hằng, Công ty đã nhận chuyển nhượng 281.250 cổ phần và 3.656.250 cổ phần của Edigital tương ứng với giá trị lần lượt là 9.196.875.000 VND và 119.559.375.000 VND. Theo đó, Công ty sở hữu 35% cổ phần của Edigital và Edigital trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

Theo Hợp đồng Nguyên tắc Số 10/HĐMT/Y1-VNO.20 ngày 17 tháng 8 năm 2020, Công ty đã ứng trước số tiền là 16.755.470.000 VND để mua mã thẻ viễn thông, được bảo lãnh bằng cổ phần của Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 17 tháng 8 năm 2023, Công ty đã nhận chuyển nhượng 512.400 cổ phần của Edigital, tương đương với 4,55% vốn điều lệ của Edigital, theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 400-2308-HĐCNCP-BPTC-YEG để tất toán khoản tạm ứng này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 39,5% kể từ ngày này.

4.5 Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam")

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 60/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 61/2302/HĐCNCP/YEG-PTNH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thi Ngọc Hiếu, Công ty đã nhận chuyển nhượng 27.000 cổ phần và 36.000 cổ phần của Netlink Việt Nam tương ứng với giá trị lần lượt là 44.145.000.000 VND và 58.860.000.000 VND. Theo đó, Công ty sở hữu 35% cổ phần của Netlink Việt Nam và Netlink Việt Nam trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

5. TIỀN VÀ KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	-	56.601.896
Tiền gửi ngân hàng	2.192.544.437	17.308.411.212
Các khoản tương đương tiền *(*)*	4.200.000.000	-
TỔNG CỘNG	**6.392.544.437**	**17.365.013.108**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định có thời hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất 3,75%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác	25.788.366.350	7.479.354.280
Công ty Cổ phần Ban Media	*22.854.759.622*	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	*2.490.070.000*	-
Khác	*443.536.728*	*7.479.354.280*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 28)*	86.538.444.797	20.268.784.981
TỔNG CỘNG	**112.326.811.147**	**27.748.139.261**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**270.238.767.925**	**173.136.646.038**
Cho các bên khác vay	177.256.431.925	99.304.297.479
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 28)*	92.982.336.000	73.832.348.559
Dài hạn	**21.412.263.754**	**119.000.000.000**
Cho các bên khác vay	7.171.575.396	119.000.000.000
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 28)*	14.240.688.358	-
TỔNG CỘNG	**291.651.031.679**	**292.136.646.038**

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	*Số cuối năm (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	119.000.000.000	Ngày 1 tháng 12 năm 2024	8,5	Tín chấp
Trần Minh Việt	45.960.311.001	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	5.134.862.703	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Finbase	2.160.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 11 năm 2024	8 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	2.140.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	8 – 11	Tín chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.900.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn CAPITALX	511.258.221	Ngày 29 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền Thông TNT	450.000.000	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5 – 11	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**177.256.431.925**			

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay như sau: (tiếp theo)

Bên vay	*Số cuối năm (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 28)*				
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	36.118.500.000	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2024 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Tera Group	23.730.000.000	Ngày 20 tháng 4 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2024	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	20.663.836.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 13 tháng 12 năm 2024	6 – 8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	9.090.000.000	Ngày 17 tháng 8 năm 2024	11	Tín chấp
Công ty TNHH Yeah1 Up	2.880.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	500.000.000	Ngày 21 tháng 8 năm 2024	11	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**92.982.336.000**			
Cho các bên liên quan vay dài hạn *(Thuyết minh số 28)*				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	3.680.000.000	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	3.309.688.358	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2025 đến ngày 18 tháng 2 năm 2026	8	Tín chấp
Công ty TNHH Yeah1 Up	3.136.000.000	Ngày 24 tháng 2 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty TNHH 1Production	1.735.000.000	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	1.450.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	8 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	930.000.000	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2025 đến ngày 2 tháng 10 năm 2025	10,5 – 11	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**14.240.688.358**			

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay như sau: (tiếp theo)

Bên vay	*Số cuối năm (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên khác vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	3.564.300.000	Từ ngày 23 tháng 12 năm 2025 đến ngày 17 tháng 3 năm 2026	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Finbase	2.126.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 24 tháng 2 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	1.181.275.396	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 đến ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	Ngày 3 tháng 10 năm 2026	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**7.171.575.396**			

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**159.015.726.054**	**91.598.166.013**
Tạm ứng nhân viên	66.600.322.319	30.220.039.367
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh		
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (i)	*26.163.157.895*	-
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (ii)	*19.600.000.000*	*19.600.000.000*
Công ty Cổ phần Unicorn Venture (iii)	*9.993.750.000*	-
Công ty TNHH STV Production (iv)	*7.773.261.957*	-
Lỗ phân chia cho đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (v)	*4.380.844.035*	-
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	21.952.487.777	8.709.025.678
Đặt cọc	1.512.711.125	1.477.711.125
Phải thu cổ tức	2.625.551	16.999.811.111
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	-	13.983.200.000
Khác	1.036.565.395	608.378.732
Dài hạn	**206.380.933.100**	**101.139.444.500**
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh *(iii)*	199.875.000.000	100.565.000.000
Khác	6.505.933.100	574.444.500
TỔNG CỘNG	**365.396.659.154**	**192.737.610.513**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi *(Thuyết minh số 10)*	(22.117.833.001)	(20.300.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**343.278.826.153**	**172.437.610.513**
Trong đó:		
Các bên khác	*319.509.257.147*	*165.464.870.465*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*45.887.402.007*	*27.272.740.048*

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác :

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	20.300.000.000	20.100.000.000
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.817.833.001	200.000.000
Số cuối năm	22.117.833.001	20.300.000.000

(i) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty, VTVcab và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV"), công ty con của Công ty. Theo đó, VTVcab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được nêu trong *Mục (i)* với số tiền là 26.163.157.895 VND theo Hợp đồng hợp tác được nêu trong *Mục (i)* với số dư công nợ của STV. Theo đó, Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV.

(ii) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 VND, trong đó, Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 VND và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 VND.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.

(iii) Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 199.875.000.000 VND. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân. Trong năm, Công ty đã ghi nhận thu nhập tiền lãi từ khoản góp vốn này theo tỷ lệ 10%, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 9.993.750.000 VND.

(iv) Theo hợp đồng ủy quyền số 539-2309-HĐNT-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 7 năm 2023 giữa Công ty và STVPro, Công ty ủy quyền cho STVPro sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại cho Dự án. Đây là khoản phải thu STVPro từ thu chi hộ cho Dự án theo các Biên bản Bù trừ Công nợ.

(v) Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1" ("Dự án") với Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam ("VTVcab"). Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTVcab là 50:50. Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh của Dự án với giá trị là 8.761.688.073 VND và ghi nhận khoản phải thu VTVCab theo tỷ lệ phân chia 50% trên khoản lỗ này.

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VND

	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*
Số cuối năm			
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	261.953.566	(261.953.565)
Công ty TNN Yeah1 Vision	209.824.729	-	(209.824.729)
Nguyễn Văn Hùng	80.000.000	24.000.000	(56.000.000)
Khác	1.535.335.920	1.292.302.213	(243.033.707)
TỔNG CỘNG	**25.439.137.780**	**3.321.304.779**	**(22.117.833.001)**
Số đầu năm			
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)
TỔNG CỘNG	**20.600.000.000**	**300.000.000**	**(20.300.000.000)**

11. HÀNG TỒN KHO

Đây là chi phí mua quyền sử dụng các bản ghi âm, ghi hình, phim và các chương trình thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của STV, công ty con của Công ty. Công ty dự kiến chuyển nhượng lại quyền này cho các đối tác.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Thiết bị văn phòng
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.833.778.240
Xóa sổ	(1.138.676.286)
Số cuối năm	695.101.954
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	*202.806.000*
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	(1.540.542.738)
Khấu hao trong năm	(111.416.304)
Xóa sổ	1.138.676.286
Số cuối năm	(513.282.756)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	293.235.502
Số cuối năm	181.819.198

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Chương trình phim ngắn (*)	*Nhãn hiệu, tên thương mại*	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	2.524.382.154	-	2.524.382.154
Mua mới	82.828.580.077	-	160.000.000	82.988.580.077
Số cuối năm	82.828.580.077	2.524.382.154	160.000.000	85.512.962.231
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	(709.255.784)	-	(709.255.784)
Hao mòn trong năm	(6.356.744.916)	(60.076.872)	(13.333.335)	(6.430.155.123)
Số cuối năm	(6.356.744.916)	(769.332.656)	(13.333.335)	(7.139.410.907)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	1.815.126.370	-	1.815.126.370
Số cuối năm	76.471.835.161	1.755.049.498	146.666.665	78.373.551.324

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	5.000.000.000	5.000.000.000

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 15.1)*	1.342.337.412.233	1.206.677.412.233
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh số 15.2)*	231.761.250.000	-
Đầu tư dài hạn khác *(Thuyết minh số 15.3)*	17.715.625.000	17.715.625.000
TỔNG CỘNG	**1.591.814.287.233**	**1.224.393.037.233**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(511.174.664.518)	(450.390.105.907)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.080.639.622.715**	**774.002.931.326**

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	Công nghệ, bán buôn	588.167.412.233	-	99,98	588.167.412.233	-	99,98
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Quảng cáo, sản xuất chương trình	399.900.000.000	(399.900.000.000)	99,98	399.900.000.000	(383.785.632.263)	99,98
3	Công ty TNHH 1 Production *(Thuyết minh số 4.1)*	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	139.000.000.000	-	100,00	-	-	-
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	79.910.000.000	(32.352.924.293)	99,98	79.910.000.000	-	99,98
5	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV *(**)*	Quảng cáo, sản xuất chương trình	40.000.000.000	-	51,00	76.500.000.000	-	51,00
6	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Quảng cáo, sản xuất chương trình	29.700.000.000	(29.700.000.000)	99,00	29.700.000.000	(29.700.000.000)	99,00

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp): (tiếp theo)

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
7	Công ty TNHH Yeah1 Up	Quảng cáo, sản xuất chương trình	23.000.000.000	(8.620.503.672)	92	-	-	-
8	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Dịch vụ quảng cáo	15.640.000.000	(15.640.000.000)	99,70	15.640.000.000	(15.640.000.000)	99,70
9	Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam *(*)*	Dịch vụ quảng cáo	10.538.000.000	(7.493.872.062)	70,00	10.538.000.000	(5.348.848.644)	70,00
10	Công ty TNHH STV Production *(Thuyết minh số 4.3)*	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	10.000.000.000	-	100	-	-	-
11	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ Trẻ	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	6.300.000.000	(6.300.000.000)	67,00	6.300.000.000	(6.300.000.000)	67,00
12	Công ty TNHH 1Talent *(Thuyết minh số 4.2)*	Dịch vụ quảng cáo	120.000.000	-	100	-	-	-
13	Công ty TNHH Adlink Network *(Thuyết minh số 4.2)*	Dịch vụ quảng cáo	40.000.000	-	100	-	-	-

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp): (tiếp theo)

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
14	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1 *(*)*	Dịch vụ quảng cáo	12.000.000	-	50,98	12.000.000	-	50,98
15	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số *(*)*	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	10.000.000	-	51,00	10.000.000	-	51,00
	TỔNG CỘNG		**1.342.337.412.233**	**(500.007.300.027)**		**1.206.677.412.233**	**(440.774.480.907)**	

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn bổ sung vốn điều lệ tại các công ty con này *(Thuyết minh số 29.2)*

(**) Vào ngày 1 tháng 7 năm 2022, Công ty đã mua 2.295.000 cổ phần của STV tương ứng với tỷ lệ sở hữu 51% trong STV với giá mua là 76.500.000.000 VND từ Ông Lê Việt Hùng theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 087/2207/HĐCNCP/YEG-STV ngày 1 tháng 7 năm 2022. Vào ngày 1 tháng 12 năm 2023, giá mua được điều chỉnh giảm là 40.000.0000.000 VND theo Phụ lục Hợp đồng Số 03 ngày 31 tháng 12 năm 2023.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 3 công ty con gián tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4 công ty con gián tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Quyền sở hữu	*Quyền biểu quyết*	*Quyền sở hữu*	*Quyền biểu quyết*
			%	*%*	*%*	*%*
1	Công ty Cổ phần Gigagoods	Bán lẻ	50,99	51,00	50,99	51,00
2	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	Dịch vụ quảng cáo	58,99	59,00	58,99	59,00
3	Công ty TNHH MTV Style TV	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	100,00	51,00	100,00
4	Công ty TNHH Yeah1 Up	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	99,99	100,00

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty liên kết trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 công ty liên kết trực tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư (VND)	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*	*Giá trị đầu tư (VND)*	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*
1	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital *(Thuyết minh số 4.4)*	Quảng cáo, sản xuất chương trình	128.756.250.000	-	39,50	-	-	-
2	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam *(Thuyết minh số 4.4)*	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	103.005.000.000	-	35,00	-	-	-
	TỔNG CỘNG		**231.761.250.000**	-		-	-	

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con sở hữu 5 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: các công ty con sở hữu 6 công ty liên kết):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Quyền sở hữu	*Quyền biểu quyết*	*Quyền sở hữu*	*Quyền biểu quyết*
			%	*%*	*%*	*%*
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
2	Công ty Cổ phần Zmedia	Dịch vụ quảng cáo	24,99	25,00	24,99	25,00
3	Công ty Cổ phần Eco Consumer	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	49,99	49,99	49,99
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	13,40	20,00	13,40	20,00
5	Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	17,96	35,21	17,96	35,21
6	Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	-	-	29,99	30,00
7	Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Dịch vụ giải pháp số	-	-	34,99	35,00

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư vào các công ty khác

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty khác như sau:

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
1	Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00	8.100.000.000	-	18,00
2	Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
3	Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
4	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
	TỔNG CỘNG		**17.715.625.000**	**(11.167.364.491)**		**17.715.625.000**	**(9.615.625.000)**	

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên liên quan *(Thuyết minh 28)*	63.532.426.544	5.060.000
Các bên khác	4.263.249.709	1.421.775.606
Công ty TNHH Bình Dương Supplier	*1.555.200.000*	-
Khác	*2.708.049.709*	*1.421.775.606*
TỔNG CỘNG	**67.795.676.253**	**1.426.835.606**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm/Điều chỉnh giảm*	*Số đầu năm*
Thuế giá trị gia tăng	863.341.881	14.238.615.910	(14.090.954.080)	1.011.003.711
Thuế thu nhập cá nhân	513.847.333	4.232.739.147	(4.453.815.747)	292.770.733
Thuế nhà thầu	-	234.097.989	-	234.097.989
Khác	2.064.245.638	-	(2.064.245.638)	-
TỔNG CỘNG	**3.441.434.852**	**18.705.453.046**	**(20.609.015.465)**	**1.537.872.433**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lương tháng 13	2.018.064.776	1.108.560.000
Mua hàng	1.775.940.019	1.775.940.019
Chi phí phải trả Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền hình	772.160.400	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.510.910	529.510.910
Chi phí lãi vay	191.591.781	-
Khác	-	700.000
TỔNG CỘNG	**5.287.267.886**	**3.414.710.929**
Trong đó:		
Các bên khác	*3.272.736.086*	*1.627.570.910*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*2.014.531.800*	*1.787.140.019*

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh *(i)*	31.500.000.000	-
Lãi vay	4.677.816.755	1.162.655.794
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	928.353.799	111.702.458
Phải trả do nhận chuyển nhượng vốn góp	-	56.500.000.000
Khác	4.641.489.750	3.048.233.088
TỔNG CỘNG	**41.747.660.304**	**60.822.591.340**
Trong đó:		
Các bên khác	*38.779.473.587*	*60.743.351.304*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*2.968.186.717*	*79.240.036*

(i) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1". *(Thuyết minh số 9)*

20. VAY

VND

	Số đầu năm	*Vay trong năm*	*Trả nợ vay trong năm*	*Phân loại lại*	*Giảm khác (*)*	*Số cuối năm*
Vay ngắn hạn	**43.210.409.400**	**299.672.074.000**	**(317.677.391.217)**	**8.080.731.817**	**(10.275.000.000)**	**23.010.824.000**
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 20.1)*	-	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Vay bên liên quan *(Thuyết minh số 20.2 và Thuyết minh số 28)*	15.210.409.400	29.150.000.000	(23.616.141.217)	(1.919.268.183)	(10.275.000.000)	8.550.000.000
Vay các tổ chức khác *(Thuyết minh số 20.3)*	28.000.000.000	31.760.824.000	(57.300.000.000)		-	2.460.824.000
Vay cá nhân *(Thuyết minh số 20.4)*	-	238.761.250.000	(236.761.250.000)		-	2.000.000.000
Vay dài hạn	**-**	**115.546.651.134**	**(13.100.000.000)**	**(8.080.731.817)**	**-**	**94.365.919.317**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 20.1)*	-	50.000.000.000	(2.500.000.000)	(10.000.000.000)	-	37.500.000.000
Vay bên liên quan *(Thuyết minh số 20.2 và Thuyết minh số 28)*	-	65.546.651.134	(10.600.000.000)	1.919.268.183	-	56.865.919.317
TỔNG CỘNG	**43.210.409.400**	**415.218.725.134**	**(330.777.391.217)**	**-**	**(10.275.000.000)**	**117.376.743.317**

(*) Theo Biên bản cấn trừ công nợ số 13/2303/BBBTCN/GIGA1/YEG ngày 30 tháng 3 năm 2023, Công ty và Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 đồng ý cấn trừ khoản vay ngắn hạn với khoản phải thu cổ tức với giá trị là 10.275.000.000 VND *(Thuyết minh số 28)*.

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngân hàng

Bên cho vay	*Số cuối năm VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất %/năm*	*Thế chấp*
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	47.500.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2024 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	- 11%/năm tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2024 - Sau ngày 14 tháng 8 năm 2024 là lãi suất thả nổi	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Trong đó				
Vay dài hạn	*37.500.000.000*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*10.000.000.000*			

20. VAY (tiếp theo)

20.2 *Vay bên liên quan (Thuyết minh số 28)*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm* *VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất* *%/năm*
Vay ngắn hạn từ các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.950.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink	2.300.000.000	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2024 đến ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	300.000.000	Ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
TỔNG CỘNG	**8.550.000.000**		
Vay dài hạn từ các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	54.603.842.260	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2025 đến ngày 16 tháng 8 năm 2025	8 – 10,5
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	1.919.268.183	Ngày 21 tháng 10 năm 2025	8
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	342.808.874	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5
TOTAL	**56.865.919.317**		

20.3 *Vay các tổ chức khác*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm* *VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất* *%/năm*
Công ty Cổ phần Ban Media	2.260.824.000	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2024 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Vietnam Music Award	200.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5
TỔNG CỘNG	**2.460.824.000**		

20.4 *Vay cá nhân*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm* *VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất* *%/năm*
Vũ Thị Ngọc Trinh	2.000.000.000	Ngày 15 tháng 12 năm 2024	10,5

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.873.478.254	310.245.701.967	1.173.918.860.221
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.663.107.327	9.663.107.327
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(2.242.202.700)	(2.242.202.700)
Số cuối năm	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
Năm nay				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược *(*)*	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu *(**)*	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	52.125.585.165	52.125.585.165
Số cuối năm	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013

(*) Vào ngày 13 tháng 9 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 45.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 125/2303/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2023, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 284/2306/YEG/BBH/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 279/2306/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023 và phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 204/2305/NQ/HĐQT/YEG ngày 5 tháng 5 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND.

(**) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2023, SSC thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 55.073.296 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1.000:722 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 607-2311-NQ-ĐHĐCĐ-YEG ngày 3 tháng 11 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 612-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 6 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 641-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 24 tháng 11 năm 2023. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 30 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 762.799.680.000 VND lên 1.313.532.640.000 VND.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	312.799.680.000	312.799.680.000
Tăng trong năm	1.000.732.960.000	-
Số cuối năm	1.313.532.640.000	312.799.680.000

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã đăng ký	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu quỹ	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*31.279.968*
Cổ phiếu đang lưu hành	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*31.279.968*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	105.956.090.172	-
Doanh thu về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	44.499.603.161	38.714.716.552
Doanh thu tài trợ và quảng cáo trên kênh truyền hình	25.370.574.489	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo khác	2.441.399.674	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	80.000.000	4.178.682.154
DOANH THU THUẦN	**178.347.667.496**	**42.893.398.706**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*127.543.598.495*	*18.446.797.470*
Doanh thu đối với bên khác	*50.804.069.001*	*24.446.601.236*

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.139.069.269	11.019.332.573
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	19.987.500.000	-
Thu nhập cổ tức	12.129.854.440	16.999.811.111
Khác	194.969	238.287.000
TỔNG CỘNG	**55.256.618.678**	**28.257.430.684**

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	41.758.979.499	26.437.321.185
Giá vốn tài trợ và quảng cáo trên kênh truyền hình	29.751.418.525	-
Chi phí cung cấp bản quyền nội dung số	6.366.453.248	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ quảng cáo	2.351.060.000	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	80.000.000	3.895.112.200
TỔNG CỘNG	**80.307.911.272**	**30.332.433.385**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	60.784.558.611	5.728.293.839
Chi phí lãi vay	18.034.756.396	1.569.190.149
Khác	139.493	-
TỔNG CỘNG	**78.819.454.500**	**7.297.483.988**

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.917.828.781	8.506.090.220
Chi phí nhân viên	2.899.397.205	1.352.921.942
Chi phí khấu hao và hao mòn	178.894.311	169.567.939
Chi phí khác	2.290.692.739	3.674.186.638
TỔNG CỘNG	**22.286.813.036**	**13.702.766.739**

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.846.973.816	10.190.825.621
Chi phí nhân viên	34.926.308.857	27.058.438.838
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 12, 13)*	6.541.571.427	210.726.145
Khác	4.279.870.208	3.674.186.638
TỔNG CỘNG	**102.594.724.308**	**41.134.177.242**

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**52.125.585.165**	**9.663.107.327**
Thuế TNDN theo thuế suất	10.425.117.033	1.932.621.465
Các khoản điều chỉnh:		
Thu nhập cổ tức	(2.425.970.888)	(3.399.962.220)
Chi phí không được trừ	744.859.056	2.703.171.114
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(8.744.005.201)	(1.235.830.359)
Chi phí thuế TNDN	-	-

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận tính thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận tính thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lợi nhuận tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế là 275.375.266.158 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 318.806.090.865 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023*
2020 *(*)*	2025	79.215.247.770	(43.430.824.707)	35,784,423,063
2021 *(*)*	2026	239.590.843.095	-	239.590.843.095
TỔNG CỘNG		**318.806.090.865**	**(43.430.824.707)**	**275.375.266.158**

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các năm tài chính này chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu trong năm với Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con
Công ty TNHH 1Production	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con
Công ty TNHH STV Production	Công ty con
Công ty TNHH 1Talent	Công ty con
Công ty TNHH Adlink Network	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết của công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BigCat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Thành viên chủ chốt có liên quan đến công ty con
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Đầu tư khác
Công ty TNHH Tera Group	Đầu tư khác
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023) và Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách bên liên quan với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng giám đốc (từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Vay	59.703.842.260	2.345.520.402
	Trả gốc vay	5.100.000.000	2.780.807.102
	Lãi vay	3.449.066.943	16.488.587
	Thu hồi cho vay	1.967.991.758	4.598.099.644
	Cho vay	900.000.000	4.631.679.598
	Trả lãi vay	821.907.819	-
	Thuê kho	109.090.908	-
	Lãi cho vay	28.165.982	26.353.827
	Thu hồi lãi cho vay	28.165.982	1.830.337.077
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Care	Cho vay	1.320.090.853	891.551.000
	Trả nợ vay	516.141.217	550.000.000
	Thu hồi cho vay	390.090.851	7.769.721.196
	Trả lãi vay	45.767.930	-
	Lãi cho vay	34.330.560	-
	Lãi vay	5.228.754	-
	Cung cấp dịch vụ	-	2.250.000.000
	Vay	-	1.046.141.217
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Thu hồi cho vay	430.000.000	-
	Thu hồi lãi cho vay	300.000.000	-
	Lãi cho vay	299.235.995	222.709.138
	Cho vay	-	385.000.000

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Thu hồi cho vay	13.350.000.000	78.415.235.660
	Cung cấp dịch vụ	6.653.109.256	5.040.000.000
	Vay	5.500.000.000	-
	Trả gốc vay	5.500.000.000	-
	Cho vay	3.200.000.000	16.000.603.398
	Thu hồi lãi cho vay	615.769.891	1.332.878.326
	Lãi cho vay	107.108.492	1.579.504.106
	Góp vốn	-	79.100.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	Nhận cổ tức	18.852.040.000	-
	Cổ tức được chia	12.129.854.440	-
	Cấn trừ gốc vay và phải thu cổ tức	10.275.000.000	-
	Cho vay	4.640.000.000	67.642.100.000
	Trả gốc vay	2.500.000.000	
	Thu hồi cho vay	460.000.000	174.429.472.644
	Thu hồi lãi cho vay	311.167.607	12.450.682.205
	Lãi vay	227.391.781	11.200.000
	Lãi cho vay	205.538.210	1.850.849.812
	Trả lãi vay	47.000.000	
Công ty TNHH Yeah1 Up	Góp vốn	23.000.000.000	-
	Cho vay	14.500.000.000	-
	Thu hồi cho vay	8.484.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	3.219.246.414	-
	Lãi cho vay	391.422.270	-
	Thu hồi lãi cho vay	126.538.081	-
	Mua hàng	23.100.000	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cho vay	81.213.000.000	-
	Thu hồi cho vay	45.094.500.000	-
	Cấn trừ công nợ	26.163.157.895	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	21.007.795.238	-
	Mua chương trình	18.471.428.571	-
	Nhận chuyển nhượng vốn góp	10.000.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	8.128.116.037	
	Lãi cho vay	1.731.857.100	-
	Thu hồi lãi cho vay	785.269.732	-
Công ty TNHH STV Production	Chi hộ	39.324.783.317	-
	Chi phí sản xuất chương trình	37.445.092.308	-
	Vay	4.200.000.000	-
	Trả gốc vay	4.200.000.000	-
	Lãi vay	3.078.082	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH 1Production	Góp vốn	139.000.000.000	-
	Cho vay	1.735.000.000	-
	Lãi cho vay	59.709.040	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	1.503.106.878	891.916.891
	Cho vay	-	5.300.000.000
Công Ty Cổ Phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	153.541.456	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua chương trình	48.556.395.000	-
	Thu hồi cho vay	26.921.435.836	59.677.764.164
	Cung cấp dịch vụ	15.848.211.060	8.000.000.001
	Vay	15.150.000.000	8.000.000.000
	Cho vay	13.650.000.000	96.429.200.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	10.492.769.249	-
	Trả gốc vay	9.200.000.000	8.000.000.000
	Mua dịch vụ	2.547.179.768	-
	Thu hồi lãi cho vay	608.076.157	13.593.965.239
	Lãi cho vay	290.708.984	911.548.165
	Lãi vay	31.543.150	198.410.959
	Trả lãi vay	22.227.986	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	9.200.000.000	-
	Trả gốc vay	6.900.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	6.668.231.073	-
	Cho vay	2.328.800.000	-
	Thu hồi cho vay	2.328.800.000	-
	Lãi vay	84.628.767	-
	Lãi cho vay	46.603.398	-
	Thu hồi lãi cho vay	46.603.398	-
	Trả lãi vay	20.967.123	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Thu hồi cho vay	26.189.396.607	12.734.090.909
	Thu hồi lãi cho vay	2.480.674.519	380.000.000
	Lãi cho vay	1.192.452.719	1.288.221.800
	Cho vay	1.250.000.000	166.824.456
	Vay	342.808.874	1.500.000.000
	Lãi vay	13.705.730	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Vay	600.000.000	-
	Trả gốc vay	300.000.000	-
	Cho vay	110.000.000	-
	Thu hồi cho vay	110.000.000	-
	Lãi vay	7.364.383	-
	Lãi cho vay	1.338.768	-
	Thu hồi lãi cho vay	1.338.768	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH Big Cat	Mua bản quyền	11.665.638.876	-
	Cho vay	2.800.000.000	-
	Thu hồi cho vay	2.800.000.000	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	775.246.004	-
	Cung cấp dịch vụ	755.674.247	-
	Lãi cho vay	1.610.959	-
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	52.750.906.667	-
	Cho vay	23.890.000.000	-
	Lãi cho vay	689.243.013	-
	Thu hồi cho vay	160.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	9.090.000.000	-
	Lãi cho vay	359.243.836	-
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	1.135.202.342	-
Ông Đào Phúc Trí	Góp vốn	35.000.000.000	-
	Tạm ứng	10.679.535.966	6.418.422.833
	Thu hồi tạm ứng	10.300.000.000	4.114.141.440
Bà Lê Phương Thảo	Góp vốn	42.000.000.000	-
	Tạm ứng	358.612.451	-
Ông Chế Đoàn Viên	Góp vốn	37.000.000.000	-
	Tạm ứng	37.000.000	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	155.470.022	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	52.456.952.000	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cung cấp bản quyền nội dung số	22.360.890.688	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	6.467.782.550	6.515.782.550
Công ty TNHH Yeah1 Up	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	2.375.535.228	57.096.357
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	1.154.383.491	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	523.907.131	523.907.131
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	408.922.194	400.000.000
Công ty Cổ phần Tstudio	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	387.340.148	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	312.731.367	534.259.584
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Thuê kho	90.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	6.480.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	2.421.533.432
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	1.370.205.927
Công ty TNHH Bigcat	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	1.080.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	486.000.000
TỔNG CỘNG		**86.538.444.797**	**20.268.784.981**

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cho vay	36.118.500.000	-
Công ty TNHH Tera Group	Cho vay	23.730.000.000	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Cho vay	20.663.836.000	20.663.836.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	9.090.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	2.880.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	500.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Cho vay	-	24.939.396.607
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	-	13.271.435.836
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Cho vay	-	10.150.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Cho vay	-	3.739.688.358
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Cho vay	-	1.067.991.758
TỔNG CỘNG		**92.982.336.000**	**73.832.348.559**

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Phải thu do cấn trừ công nợ	26.163.157.895	-
	Lãi cho vay	946.587.368	-
Công ty TNHH STV Production	Nhờ thu hộ	7.773.261.957	-
Đào Phúc Trí	Tạm ứng	5.327.908.126	5.330.485.622
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	3.323.051.162	1.819.944.284
Công ty TNHH Tera Group	Lãi cho vay	689.243.013	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Lãi cho vay	658.136.912	658.900.917
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	359.243.836	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	Lãi cho vay	264.884.189	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Lãi cho vay	205.538.210	311.167.607
	Phải thu cổ tức	2.625.551	16.999.811.111
Công ty TNHH 1Production	Lãi cho vay	59.709.040	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Lãi cho vay	37.964.381	546.625.780
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi cho vay	34.330.560	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Lãi cho vay	33.410.819	-
Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	6.522.276	-
Công ty TNHH Big Cat	Lãi cho vay	1.610.959	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi cho vay	215.753	317.582.927
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi cho vay	-	1.288.221.800
TỔNG CỘNG		**45.887.402.007**	**27.272.740.048**

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu về cho vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	3.680.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Cho vay	3.309.688.358	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	3.136.000.000	-
Công ty TNHH 1Production	Cho vay	1.735.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Cho vay	1.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Cho vay	930.000.000	-
TỔNG CỘNG		**14.240.688.358**	**-**
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH STV Production	Sản xuất chương trình	41.866.666.668	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Mua bản quyền	19.395.000.000	-
Công ty TNHH BigCat	Mua bản quyền	2.270.759.876	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Mua dịch vụ	-	5.060.000
TỔNG CỘNG		**63.532.426.544**	**5.060.000**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	21.310.867.823	-
Công ty TNHH BigCat	Cung cấp bản quyền nội dung số	3.306.097.320	-
TỔNG CỘNG		**24.616.965.143**	**-**
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Mua hàng	1.775.940.019	1.775.940.019
	Lãi vay	238.591.781	11.200.000
TỔNG CỘNG		**2.014.531.800**	**1.787.140.019**

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Lãi vay	2.627.159.124	-
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	192.242.316	38.700.860
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	63.661.644	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Lãi vay	47.000.000	-
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	Lãi vay	13.705.730	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	9.315.164	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Lãi vay	7.364.383	-
Công ty TNHH Yeah1 Network	Lãi vay	3.969.863	
Công ty TNHH STV Production	Lãi vay	3.078.082	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	690.411	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi vay	-	40.539.176
TỔNG CỘNG		**2.968.186.717**	**79.240.036**
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	5.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	2.300.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Vay	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Vay	-	12.775.000.000
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	Vay	-	1.919.268.183
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Vay	-	516.141.217
TỔNG CỘNG		**8.550.000.000**	**15.210.409.400**
Vay dài hạn			
Công Ty Cổ phần Giải Trí Yeah1	Vay	54.603.842. 260	-
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	Vay	1.919.268.183	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	342.808.874	-
TỔNG CỘNG		**56.865.919.317**	**-**

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Họ và tên	*Chức danh*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.549.007.000	2.653.384.900
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.250.000.000	-
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)	1.063.307.700	-
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)	502.449.000	1.339.864.000
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2024)	123.981.550	495.926.200
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023)	-	2.009.796.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)	-	743.148.922
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2022)	-	350.000.000
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)	-	350.000.000
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023)		
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-
TỔNG CỘNG		**6.488.745.250**	**7.942.120.022**

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

29.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	24.261.360.000	14.900.133.847
Trên 1 – 5 năm	94.132.300.000	28.067.251.100
Trên 5 năm	67.729.068.000	1.343.971.200
TỔNG CỘNG	**186.122.728.000**	**44.311.356.147**

29.2 Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

VND

	Số đầu năm và số cuối năm		
	Vốn cam kết	*Vốn đã góp*	*Vốn còn phải góp*
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	13.300.000.000	10.538.000.000	2.762.000.000
Công ty TNHH Adlink Network *(*)*	2.000.000.000	40.000.000	1.960.000.000
Công ty TNHH 1 Talent *(*)*	2.000.000.000	120.000.000	1.880.000.000
TỔNG CỘNG	**34.630.060.000**	**10.720.000.000**	**23.910.060.000**

(*) Vào ngày 15 tháng 1 năm 2024, Nhóm Công ty đã góp vốn đủ vào các công ty này.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài sự kiện được trình bày ở *Thuyết minh 4.3*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024